

Số: 08/2019/QĐ-PT

Bình Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Kim Anh
Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa
Ông Nguyễn Văn Tài

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Ông Nguyễn Tấn Hiệp - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 153/2018/QĐST-DS ngày 30/11/2018.

Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 192 và khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, huyện E, Thành phố F.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Tấn P, sinh năm 1958, địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, huyện E, Thành phố F (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2017).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hà Minh H., sinh năm 1975; địa chỉ: Số A đường X, tổ Z, khu phố V, phường S, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2017).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Đức Quý, sinh năm 1975; địa chỉ: Số A đường X, tổ Z, khu phố V, phường S, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.2. Bà Hà Minh H., sinh năm 1975; địa chỉ: Số A đường X, tổ Z, khu phố V, phường S, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại đơn kháng cáo ngày 11/12/2018 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị M là ông Đặng Tấn P trình bày:

Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”, giữa bà Bùi Thị M và Trần Thị Thanh Th với lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định và triệu hợp lệ lần 2 vắng mặt không có lý do theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 và khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng quy định của pháp luật bởi các lý do:

Trong hồ sơ khởi kiện bà M đã nộp các tài liệu chứng cứ thể hiện việc mua bán tài sản bán đấu giá thành gồm: “Biên bản bán đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người tham gia đấu giá ngày 28/01/2016, Hợp đồng số 41 ngày 28/01/2016 mua bán tài sản bán đấu giá, Thông báo số 207/TB-CCTHA về việc giao tài sản ngày 16/02/2016, Quyết định số 06/QĐ-CCTHADS giao tài sản ngày 16/02/2016”, đồng thời bà M đã làm hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND thành phố T trích lục bản đồ địa chính và hẹn trả kết quả ngày 28/11/2018, ngày 10/12/2018 bà M đã nhận biên nhận để hẹn được cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà Bùi Thị M. Mặt khác, Tòa án thụ lý vụ án từ ngày 07/3/2018 thu thập chứng cứ, đo đạc định giá đến hơn 8 tháng mới ra quyết định, nếu không đủ điều kiện khởi kiện thì phải ra thông báo trả lại đơn cho đương sự ngay từ đầu chứ không thụ lý.

Việc triệu hợp lệ lần 2 vắng mặt không có lý do. Ngày 01/11/2018 Tòa án gửi giấy triệu tập tôi đến Tòa làm việc (kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) vào ngày 08/11/2018 nhưng tôi vắng mặt, tiếp tục ngày 18/11/2018 Tòa án gửi giấy triệu tập tôi đến Tòa làm việc (kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) vào ngày 26/11/2018. Ngày 22/11/2018 tôi có đến Tòa án gặp Thẩm phán K và Thư ký P tại phòng xét xử và đưa trực tiếp tận tay một tờ đơn xin tạm đình chỉ vụ án nêu trên trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 22/11/2018 đến ngày 22/01/2019 và 01 giấy biên nhận hẹn trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND thành phố T với lý do bà M đang làm thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ nhưng Thẩm phán K không ra văn bản trả lời có chấp nhận yêu cầu của tôi hay không mà đến ngày 30/11/2018 đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của tôi với 02 lý do nêu trên.

Do vậy, ông kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử hủy quyết định đình chỉ số 153/QĐĐC-DS ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên họp xét quyết định.

- Về nội dung: Do cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa cấp sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2018 nguyên đơn bà Bùi Thị M khởi kiện bà Trần Thị Thanh Th yêu cầu “mở lối đi qua bất động sản liền kề” để đi vào phần đất có diện tích 171m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất là 05 căn nhà trọ có diện tích 108,9m² toàn bộ tài sản trên thuộc thửa đất số 1041, tờ bản đồ số 14-5, tọa lạc tại khu N, phường Z, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bà tham gia đấu giá và trúng đấu giá phần đất này vào ngày 28/01/2016. Ngày 16/02/2016 nguyên đơn đã nhận được thông báo số 207 và Quyết định số 06/QĐ-CCTHA của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T về việc giao tài sản trúng đấu giá cho bà. Hiện các tài sản này do tôi quản lý và sử dụng. Phần đất nêu trên của bà hiện không có lối đi nào để đi ra đường lộ. Bà có thỏa thuận mua lại lối đi chiều ngang 03 mét chiều dài 25,1m của bà Trần Thị Thanh Th (là người có đất giáp ranh với đất bà) nhưng bà Th không đồng ý. Do vậy, ngày 19/01/2018 bà khởi kiện yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề đối với phần đất thửa số 1076, tờ bản đồ 14-5 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Trần Thị Thanh Th vào ngày 09/10/2017.

Ngày 07/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý số 55/TB-TLVA.

Ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố T ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do: Bà Bùi Thị M chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị M là ông Đặng Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét,

* Về điều kiện khởi kiện: Ngày 19/01/2018, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M, ngày 26/01/2018 Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn kiện số 08/TB-TA trong đó yêu cầu nguyên đơn cung cấp các thông tin sau “*Quyền sử dụng đất bà M mua theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 41 ngày 28/01/2016 giữa bà M và Công ty TNHH Dịch vụ bán đấu giá tài sản Công Lập đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa? Nếu có cung cấp bản sao y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tòa án. Trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trình bày rõ nguyên nhân vì sao chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Ngày 12/02/2018, bà Bùi Thị M có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo thông báo của Tòa án cấp sơ thẩm trong đó nêu rõ lý do bà M chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Ngày 07/3/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý số 55/TB-TLVA.

Ngày 30/9/2018, Tòa tiên hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp và quyết định thành lập Hội đồng định giá, ngày 11/10/2018 Hội đồng định giá tiến hành định giá đối với phần đất nêu trên.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện tài sản (là quyền sử dụng đất và 05 căn phòng trọ gắn liền trên đất) được đem bán đấu giá là tài sản hợp pháp, bà M mua đấu giá thành, nộp tiền xong và ngày 16/02/2016 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đã có thông báo số 207 và Quyết định số 06/QĐ-CCTHA của Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố T về việc giao tài sản trúng đấu giá cho bà. Như vậy, kể từ ngày có quyết định giao tài sản thì các tài sản nêu trên đã là tài sản hợp pháp của bà M nên bà M đã có đủ điều kiện để khởi kiện. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn chưa có đủ điều kiện khởi kiện là không đúng. Trường hợp nếu đương sự chưa đủ điều kiện khởi kiện thì Tòa án cấp sơ thẩm không được thụ lý vụ án và trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm b Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc triệu tập người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Tấn P hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do:

Ngày 31/10/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt cho ông Đặng Tấn P thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 08/11/2018 (do bà M là nguyên đơn đồng thời là vợ ông P ở cùng địa chỉ nhận thay) nhưng ông P vắng mặt không có lý do.

Ngày 08/11/2018, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và ấn định thời gian hòa giải lần 2 vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/11/2018 nhưng tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lại thể hiện thời gian lập biên bản vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 26/11/2018 và thời gian lập biên bản về việc không hòa giải được vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 26/11/2018. Đồng thời theo tra cứu định vị của Bưu điện Việt nam thể hiện ngày phát đi 15/11/2018 và ngày 18/11/2018 đã chuyển phát thành công nhưng không có tài liệu chứng cứ thể hiện việc ông P đã nhận. Ngoài ra, tại 02 biên bản này đều thể hiện tiến hành lập biên bản đối với vụ án thụ lý số 395/2017/TLST-DS ngày 18/10/2017 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất” trong khi vụ án được thụ lý số 55/2018/TLST-DS ngày 07/3/2018 về việc “tranh chấp về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”. Mặt khác, ngày 22/11/2018, ông P có đơn yêu cầu tạm hoãn giải quyết vụ án trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày 22/11/2018 - 22/01/2019 với lý do bà M đã nhận được Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất cho bà M, cùng ngày đơn của ông P đã được Tòa án nhân dân thành phố T lập biên bản giao nhận nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa có văn bản trả lời có chấp nhận theo đơn của ông P hay không.

Từ sự phân tích trên cho thấy việc Tòa án nhân dân thành phố T căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 192 và khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề” nêu trên là chưa đúng quy định của pháp luật; có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị M hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu.

Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị M là ông Đặng Tấn P.

2. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 153/2018/QĐST-DS ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố T để tiếp tục giải quyết vụ án.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Đặng Tấn P không phải chịu. Hoàn trả cho ông Đặng Tấn P số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0033304 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự,

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thị Kim Anh

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đào Minh Đa

Nguyễn Văn Tài

Lê Thị Kim Anh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự,

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thị Kim Anh